Vietnam Tariff Intelligence

Détail du SH 9849.37

Code SH	9849.37
Description	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32:
Unité	
Généré le	30/10/2026 23:36:55
Version des données	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Statut de vérification	Données tarifaires vérifiées par rapport au fichier source ; conseils/correspondances indicatifs ; éligibilité ALE non vérifiée.
Lien	https://vietnamtariff.com/hs-code/984937/

3 lignes tarifaires sous 9849.37

Code SH	Description	Unité	Droit d'importation ordinaire	MFN	VAT
9849.37.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - - Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ, hoạt động bằng điện		0%	0%	Aucune donnée
9849.37.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - - Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ, không hoạt động bằng điện		0%	0%	Aucune donnée
9849.37.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra áp suất: / - - - Máy đo áp suất sử dụng cho xe có động cơ, không hoạt động bằng điện		0%	0%	Aucune donnée

Ce rapport est fourni à titre indicatif ; il est généré à partir des données tarifaires source et des règles de conseil. Il ne constitue pas une décision douanière et ne confirme ni le classement SH, ni l'éligibilité à un ALE, ni la validité juridique. L'utilisateur doit vérifier au regard de la législation en vigueur.